

YÊU CẦU KỸ THUẬT
VỀ CUNG CẤP VẬT TƯ HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH 3 THÁNG ĐẦU
NĂM 2026

I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG:

1.1. Mục đích sử dụng:

- Vật tư - hóa chất cung cấp cho Phòng Xét nghiệm của TT Y Tế, để sử dụng vào các mục đích sau:

- * Dùng để xét nghiệm các mẫu bệnh phẩm của bệnh nhân, các đối tượng khám sức khỏe.
- * Sử dụng trong các máy xét nghiệm hoặc trong phòng xét nghiệm

1.2. Điều kiện môi trường sử dụng:

- + Nhiệt độ: Từ 20°C đến 30°C
- + Độ ẩm tương đối lên đến 80 %.

II. YÊU CẦU CHUNG:

2.1. Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp: Nhà thầu phải có giấy phép sản xuất/ hoạt động kinh doanh và có kinh nghiệm về cung cấp vật tư-hóa chất xét nghiệm dùng trong y tế. (Nhà thầu phải cung cấp hợp đồng tương tự để chứng minh năng lực).

2.2. Yêu cầu đối với hàng hóa:

2.2.1. Hàng hóa chưa qua sử dụng, mới 100%, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hạn sử dụng của hàng hóa của mục IV được tính từ kể ngày giao hàng.

2.2.2. Nhà thầu cam kết thu hồi hoặc đổi trả hàng trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

2.2.3. Hạn sử dụng vật tư: Phải đáp ứng đúng với từng loại vật tư được nêu chi tiết tại mục IV

2.3. Yêu cầu đối với cung cấp thông tin về hàng hóa trong HSDX:



2.3.1. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ thông tin kỹ thuật và các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh như: thông tin sản phẩm (catalogue, brochure), dữ liệu kỹ thuật... dưới dạng văn bản phù hợp cho từng nội dung yêu cầu kỹ thuật của từng mặt hàng dự thầu.

2.3.2. Bảng danh mục hàng hóa chào về kỹ thuật phải có đầy đủ các cột thể hiện nội dung sau: Số thứ tự của hàng hóa dự thầu; Số thứ tự trong HSMT; Tên hàng hóa trong HSMT; Tên hàng hóa dự thầu; Đơn vị tính; Quy cách đóng gói; Ký mã hiệu sản phẩm; Hãng sản xuất; Nước sản xuất; Số lượng; Tính năng kỹ thuật; Hạn sử dụng tối thiểu. Có cam kết thu hồi hoặc đổi trả hàng tương ứng với hạn sử dụng của hàng hóa.

2.3.3. Yêu cầu nhà thầu cung cấp số test sử dụng trong hộp hóa chất (Nếu có) để TTYT tham khảo để định mức sử dụng hóa chất tại TTYT và cung cấp danh sách các cơ sở Y tế đã sử dụng vật tư hóa chất khi chào thầu.

III. YÊU CẦU CỤ THỂ:

3.1. Yêu cầu về quy cách đóng gói và số lượng: Hàng hóa phải được đóng gói đúng quy cách bởi nhà sản xuất, trên sản phẩm phải có đầy đủ các thông tin về sản phẩm, hãng sản xuất, nơi sản xuất, dung tích/số lượng, hạn sử dụng theo quy định của Bộ y tế.

3.2. Để đảm bảo tính đồng bộ và độ chính xác của kết quả xét nghiệm cũng như việc phân định trách nhiệm của các bên về chất lượng của vật tư - hóa chất được cung cấp, yêu cầu:

3.2.1. Nhà thầu phải có giấy ủy quyền của nhà sản xuất (giấy phép bán hàng của nhà sản xuất) hoặc ủy quyền hợp pháp của đại lý phân phối.

3.2.2. Nhà thầu phải cung cấp hóa chất - vật tư đầy đủ cả về chủng loại, số lượng và hỗ trợ QC, calibration khi TTYT yêu cầu trong vòng 24h (kể cả ngày thứ bảy, chủ nhật).

IV. SỐ LƯỢNG VẬT TƯ - HÓA CHẤT VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG

4.1. Số lượng hàng hóa: Theo Bảng danh mục số lượng hàng hóa (đính kèm).

4.2. Yêu cầu kỹ thuật đối với hóa chất miễn dịch, dùng cho máy model: Cobas E411, hãng sx: Roche:

STT	TÊN VẬT TƯ - HÓA CHẤT	YÊU CẦU CHI TIẾT
1	CEA	- Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CEA huyết thanh và huyết tương người - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/ 100 test Hoặc tương đương
2	CEA Calset	- Hóa chất chuẩn CEA - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/4 lọ x 1ml Hoặc tương đương
3	Anti HBs II	- Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/100 test Hoặc tương đương

STT	TÊN VẬT TƯ - HÓA CHẤT	YÊU CẦU CHI TIẾT
4	Assay CUP	<ul style="list-style-type: none"> - Cốc đựng mẫu - Hạn sử dụng ≥ 5 tháng - Quy cách: Thùng/60 x 60 cups Hoặc tương đương
5	Assay Tip	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn - Hạn sử dụng ≥ 5 tháng - Quy cách: Thùng/30 x 120 cái Hoặc tương đương
6	CA 72-4	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng ca 72.4 huyết thanh và huyết tương người - HSD ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/ 100 test Hoặc tương đương
7	CA 72-4 Calset	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất chuẩn CA 72.4 - HS Hạn sử dụng D ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/4 lọ x 1ml Hoặc tương đương
8	FT3 III	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm định lượng FT3 trong huyết thanh người, dùng đánh giá chức năng tuyến giáp - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/ 200 test Hoặc tương đương
9	FT3 III Calset	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất chuẩn xét nghiệm FT3 III - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/4 lọ x 1ml Hoặc tương đương
10	FT4 III	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm định lượng FT4 trong huyết thanh người, dùng đánh giá chức năng tuyến giáp - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/ 200 test Hoặc tương đương
11	FT4 III Calset	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất chuẩn xét nghiệm FT4 III - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/4 lọ x 1ml Hoặc tương đương
12	TSH	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm định lượng TSH trong huyết thanh người, dùng đánh giá chức năng tuyến giáp - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/200 test Hoặc tương đương
13	TSH Calset	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất chuẩn xét nghiệm TSH - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/4 lọ x 1ml Hoặc tương đương
14	HBsAg II	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm phát hiện HBsAg trong huyết thanh người, dùng chẩn đoán viêm gan siêu vi B - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/ 100 test Hoặc tương đương

STT	TÊN VẬT TƯ - HÓA CHẤT	YÊU CẦU CHI TIẾT
15	HBeAg	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. - Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/100 test Hoặc tương đương
16	Sys Wash	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch rửa - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Can/500ml Hoặc tương đương
17	AFP	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng $\alpha 1$-fetoprotein trong huyết thanh và huyết tương người - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/100 test Hoặc tương đương
18	AFP Calset II	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất chuẩn AFP . - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/4 lọ x 1ml Hoặc tương đương
19	CA 125 II	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng quyết định kháng nguyên phản ứng CA 125 trong huyết thanh và huyết tương người. - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/100 test Hoặc tương đương
20	CA 125 II Calset	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất chuẩn. - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/4 lọ x 1ml Hoặc tương đương
21	CA 15-3 II	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 15-3 trong huyết thanh và huyết tương người giúp hỗ trợ theo dõi bệnh nhân ung thư vú. - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/100 test Hoặc tương đương
22	CA 15-3 II Calset	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất chuẩn . - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/4 lọ x 1ml Hoặc tương đương
23	Cyfra 21-1 calset	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất chuẩn CYFRA 21-1 - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/4 lọ x 1ml Hoặc tương đương

STT	TÊN VẬT TƯ - HÓA CHẤT	YÊU CẦU CHI TIẾT
24	Cyfra 21-1	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng các phân đoạn của cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương người. CYFRA 21-1 là dấu ấn sinh học được lựa chọn cho ung thư phổi không tế bào nhỏ (chủ yếu là các loại ung thư tế bào vảy và tế bào lớn). - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/100 test Hoặc tương đương
25	Diluent Universal	<ul style="list-style-type: none"> - Diluent Universal được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm. - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/2 lọ x 36ml Hoặc tương đương
26	ISE Cleaning Solution	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch rửa - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/5x100ml Hoặc tương đương
27	Clean Cell	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas e 411. - CleanCell được sử dụng kết hợp với thuốc thử xét nghiệm Elecsys. - CleanCell có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử. - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/6 x 380 ml Hoặc tương đương
28	Procell	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. - ProCell được sử dụng kết hợp với thuốc thử xét nghiệm. - ProCell có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử. - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/6 x 380 ml Hoặc tương đương
29	PSA total	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm này, dùng trong chẩn đoán in vitro để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (tự do + phức hợp) trong huyết thanh và huyết tương người, - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/100 test Hoặc tương đương
30	Total PSA Calset II	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất chuẩn. - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/4 lọ x 1ml Hoặc tương đương
31	CA 19-9 Calset	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất chuẩn CA19.9 - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/4 lọ x 1ml Hoặc tương đương

STT	TÊN VẬT TƯ - HÓA CHẤT	YÊU CẦU CHI TIẾT
32	CA 19-9	- Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng ca 19-9 huyết thanh và huyết tương người - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/ 100 test Hoặc tương đương
33	Troponin T HS Stat Calset	- Hóa chất chuẩn Troponin T HS - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/4 lọ x 1ml Hoặc tương đương
34	Troponin T hs STAT	- Xét nghiệm định lượng Troponin T trong máu, chẩn đoán nhồi máu cơ tim cấp. - Hạn sử dụng ≥ 3 tháng - Quy cách: Hộp/100 test Hoặc tương đương

Tổng cộng: 34 mục

Lưu ý:

- Khái niệm "tương đương": là có các đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng tương tự tự đối với kỹ thuật, hàng hóa nêu trên.
- Đối với các thông số cố định, có thể sai số $\pm 1\%$
- Nhà thầu không đáp ứng về mục 3.2, không xem xét về hàng hóa.

4.3. Thời gian giao hàng:

- Giao hàng thành nhiều đợt trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, TTYT sẽ gửi công văn yêu cầu giao hàng theo danh mục và số lượng cho từng đợt. Thời gian giao hàng cho mỗi đợt trong vòng 15 ngày lịch kể từ ngày TTYT gửi công văn yêu cầu giao hàng.

4.4. Địa điểm giao hàng và trả bảo hành:

- **Địa điểm giao hàng:** Giao hàng tại Kho vật tư TT Y Tế Vietsovpetro (Số 02 Pasteur P. Tam Thẳng, TP. HCM).
- **Điều kiện bảo hành:** Theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.

V. YÊU CẦU VỀ ĐÓNG GÓI VÀ CHỨNG CHỈ HÀNG HÓA:

5.1. Yêu cầu về đóng gói hàng hóa: theo đúng qui định của nhà sản xuất, không rách nát ẩm ướt, trên nhãn có ghi nơi sản xuất, hạn sử dụng.

5.2. Yêu cầu về chứng chỉ hàng hóa:

- Cung cấp Chứng chỉ xuất xứ do Phòng công nghiệp thương mại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp đối với hàng nhập khẩu hoặc giấy phép lưu hành sản phẩm được Bộ y tế cấp: bản gốc/ photocopy có chứng thực/ photocopy có xác nhận của nhà cung cấp/ bản điện tử có đường dẫn để xác nhận.
- Cung cấp Chứng chỉ chất lượng/ Chứng chỉ phù hợp (Certificate of Compliance)/ Giấy chứng nhận kiểm nghiệm (Inspection Certificate)/ Giấy chứng nhận phân tích (Certificate of Analysis)/ Giấy chứng nhận ISO do nhà sản xuất cấp có chứng kiến và xác nhận của bên thứ ba có thẩm

quyền: bản gốc/ photocopy có chứng thực/ photocopy có xác nhận của nhà cung cấp/ bản điện tử có đường dẫn để xác nhận

- Cung cấp Giấy bảo hành của Nhà cung cấp: Bản gốc
- Các chứng chỉ thử nghiệm khác (nếu có).

VI. YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG:

- Trong quá trình giao nhận hàng hóa, nhà cung cấp phải đảm bảo đầy đủ trang bị lao động phù hợp cho nhân viên khi tiến hành công việc và tuân thủ nội quy, quy định của TT Y tế.

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VỀ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA VẬT TƯ VỚI ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT CỦA VIETSOVPETRO:

- Việc đánh giá sẽ được tiến hành với chào toàn bộ hàng hóa theo nhóm danh mục hàng hóa và phải đạt YCKT của tất cả các hàng hóa trong mỗi nhóm theo danh mục hàng hóa tại mục 4.1 và đặc tính kỹ thuật quy định tại mục 4.2 của YCKT (Tiêu chí đánh giá đính kèm)

Những người soạn thảo ký:

- | | |
|--------------------------|--|
| - Phó khoa CDHA - XN-NS: | Signed by: Vũ Ngọc Quỳnh
Date: 24/09/2025 06:08:59
Certified by: Vietsovetro CA |
| - CN. Xét nghiệm: | Signed by: Đỗ Ngọc Lan
Date: 24/09/2025 07:41:32
Certified by: Vietsovetro CA |
| - Trưởng BP VTTB: | Signed by: Vũ Đức Hải
Date: 23/09/2025 23:20:21
Certified by: Vietsovetro CA |
| - NV. Vật Tư: | Signed by: Trần Tiến Hùng
Date: 24/09/2025 07:14:39
Certified by: Vietsovetro CA |



“PHÊ DUYỆT”
PHÓ GIÁM ĐỐC

Signed by: Phạm Văn Bảy
Date: 26/09/2025 07:38:34
Certified by: Vietsovpetro CA

PHẠM VĂN BẢY
Ngày tháng năm

BẢNG DANH MỤC SỐ LƯỢNG HÀNG HÓA
(Đính kèm YCKT)

STT	TÊN VẬT TƯ - HÓA CHẤT	ĐVT	SL	Ghi chú
1	CEA	Hộp	5	
2	CEA Calset	Hộp	1	
3	Anti HBs II	Hộp	55	
4	Assay CUP	Thùng	5	
5	Assay Tip	Thùng	5	
6	CA 72-4	Hộp	5	
7	CA 72-4 Calset	Hộp	1	
8	FT3 III	Hộp	5	
9	FT3 III Calset	Hộp	1	
10	FT4 III	Hộp	5	
11	FT4 III Calset	Hộp	1	
12	TSH	Hộp	5	
13	TSH Calset	Hộp	1	
14	HBsAg II	Hộp	1	
15	HBeAg	Hộp	1	
16	Sys Wash	Can	16	
17	AFP	Hộp	7	
18	AFP Calset II	Hộp	1	
19	CA 125 II	Hộp	7	
20	CA 125 II Calset	Hộp	1	
21	CA 15-3 II	Hộp	7	



STT	TÊN VẬT TƯ - HÓA CHẤT	ĐVT	SL	Ghi chú
22	CA 15-3 II Calset	Hộp	1	
23	Cyfra 21-1 calset	Hộp	1	
24	Cyfra 21-1	Hộp	10	
25	Diluent Universal	Hộp	2	
26	ISE Cleaning Solution	Hộp	1	
27	Clean Cell	Hộp	10	
28	Procell	Hộp	10	
29	PSA total	Hộp	20	
30	Total PSA Calset II	Hộp	2	
31	CA 19-9 Calset	Hộp	1	
32	CA 19-9	Hộp	7	
33	Troponin T HS Stat Calset	Hộp	1	
34	Troponin T hs STAT	Hộp	5	

Tổng cộng: 34 mục

Những người soạn thảo:

Phó khoa CDHA - XN - NS

Signed by: Vũ Ngọc Quỳnh
Date: 25/09/2025 13:54:55
Certified by: Vietsovpetro CA

Vũ Ngọc Quỳnh



**PHÊ DUYỆT
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Signed by: Phạm Văn Bảy
Date: 24/09/2025 08:43:50
Certified by: Vietsovpetro CA

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT
VỀ CUNG CẤP VẬT TƯ HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH 3 THÁNG ĐẦU
NĂM 2026**

“Đánh giá theo tiêu chí " Đạt " và " Không đạt ”

STT	Tiêu chí/nội dung đánh giá	Nội dung chào hàng	Đánh giá “Đạt/Không đạt”	Lý do không đạt	Ghi chú
I	YÊU CẦU CHUNG				
1.1	Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp: Nhà thầu phải có giấy phép sản xuất/ hoạt động kinh doanh và có kinh nghiệm về cung cấp vật tư-hóa chất xét nghiệm dùng trong y tế. (Nhà thầu phải cung cấp hợp đồng tương tự để chứng minh năng lực).	Có cung cấp và đáp ứng	Đạt		
		Không cung cấp hoặc cung cấp nhưng không đáp ứng	Không đạt		
1.2	Hàng hóa chưa qua sử dụng, mới 100%, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hạn sử dụng của hàng hóa của mục IV được tính từ kể ngày giao hàng.	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		
1.3	Nhà thầu cam kết thu hồi hoặc đổi trả hàng trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		

STT	Tiêu chí/nội dung đánh giá	Nội dung chào hàng	Đánh giá “Đạt/Không đạt”	Lý do không đạt	Ghi chú
1.4	Hạn sử dụng vật tư: Phải đáp ứng đúng với từng loại vật tư được nêu chi tiết tại mục IV	Có cung cấp và đáp ứng	Đạt		
		Không cung cấp hoặc cung cấp nhưng không đáp ứng	Không đạt		
1.5	Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ thông tin kỹ thuật và các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh như: thông tin sản phẩm (catalogue, brochure), dữ liệu kỹ thuật... dưới dạng văn bản phù hợp cho từng nội dung yêu cầu kỹ thuật của từng mặt hàng dự thầu.	Có cung cấp và đáp ứng	Đạt		
		Không cung cấp hoặc cung cấp nhưng không đáp ứng	Không đạt		
1.6	Bảng danh mục hàng hóa chào về kỹ thuật phải có đầy đủ các cột thể hiện nội dung sau: Số thứ tự của hàng hóa dự thầu; Số thứ tự trong HSMT; Tên hàng hóa trong HSMT; Tên hàng hóa dự thầu; Đơn vị tính; Quy cách đóng gói; Ký mã hiệu sản phẩm; Hãng sản xuất; Nước sản xuất; Số lượng; Tính năng kỹ thuật; Hạn sử dụng tối thiểu. Có cam kết thu hồi hoặc đổi trả hàng tương ứng với hạn sử dụng của hàng hóa.	Có cung cấp và đáp ứng	Đạt		
		Không cung cấp hoặc cung cấp nhưng không đáp ứng	Không đạt		
1.7	Yêu cầu nhà thầu cung cấp số test sử dụng trong hộp hóa chất (Nếu có) để TTYT tham khảo để định mức sử dụng hóa chất tại TTYT	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		
II	YÊU CẦU CỤ THỂ				
2.1	Hàng hóa phải được đóng gói đúng quy cách bởi nhà sản xuất, trên sản phẩm phải có đầy đủ các thông tin về sản phẩm, hãng sản xuất, nơi sản xuất, dung tích/số lượng, hạn sử dụng theo quy định của Bộ y tế	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		

STT	Tiêu chí/nội dung đánh giá	Nội dung chào hàng	Đánh giá “Đạt/Không đạt”	Lý do không đạt	Ghi chú
2.2	Để đảm bảo tính đồng bộ và độ chính xác của kết quả xét nghiệm cũng như việc phân định trách nhiệm của các bên về chất lượng của vật tư - hóa chất được cung cấp, yêu cầu:	Có cung cấp và đáp ứng	Đạt		
		Không cung cấp hoặc cung cấp nhưng không đáp ứng	Không đạt		
2.2.1	Nhà thầu phải có giấy ủy quyền của nhà sản xuất (giấy phép bán hàng của nhà sản xuất) hoặc ủy quyền hợp pháp của đại lý phân phối.	Có cung cấp và đáp ứng	Đạt		
		Không cung cấp hoặc cung cấp nhưng không đáp ứng	Không đạt		
2.2.2	Nhà thầu phải cam kết cung cấp hóa chất - vật tư đầy đủ cả về chủng loại, số lượng và hỗ trợ QC, calibration khi TTYT yêu cầu trong vòng 24h (kể cả ngày thứ bảy, chủ nhật).	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		
III	SỐ LƯỢNG VẬT TƯ - HÓA CHẤT VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG				
3.1	Số lượng hàng hóa	Chào toàn bộ Danh mục số lượng hàng hóa theo nhóm	Đạt		
		Chào không đầy đủ số lượng hàng hóa theo nhóm	Không đạt		
3.2	Yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa	Đạt yêu cầu kỹ thuật của tất cả các hàng hóa trong nhóm	Đạt		
		Không đạt yêu cầu kỹ thuật của một hoặc tất cả các mục hàng hóa trong nhóm	Không đạt		
3.3	Thời gian giao hàng	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		

STT	Tiêu chí/nội dung đánh giá	Nội dung chào hàng	Đánh giá “Đạt/Không đạt”	Lý do không đạt	Ghi chú
3.4	Địa điểm giao hàng và trả bảo hàng	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		
IV	YÊU CẦU VỀ ĐÓNG GÓI VÀ CHỨNG CHỈ HÀNG HÓA				
4.1	Yêu cầu về đóng gói hàng hóa	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		
4.2	Yêu cầu về chứng chỉ hàng hóa	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		
V	YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG	Có cam kết	Đạt		
		Không cam kết	Không đạt		

Phương pháp đánh giá:

- Các chào hàng được đánh giá là "ĐẠT" Yêu cầu kỹ thuật:
 - o Chào đầy đủ các mục hàng, số lượng hàng hóa trong mỗi nhóm như được mô tả tại mục 4.1 của Yêu cầu kỹ thuật.
 - o Tất cả hàng hóa phải đạt yêu cầu kỹ thuật trong mỗi nhóm như được mô tả tại mục 4.2 của Yêu cầu kỹ thuật.
- Các chào hàng được đánh giá là "KHÔNG ĐẠT" Yêu cầu kỹ thuật:
 - o Không chào đầy đủ các mục hàng, không đủ số lượng hàng hóa trong mỗi nhóm như được mô tả tại mục 4.1 của Yêu cầu kỹ thuật.
 - o Có một hàng hóa hoặc nhiều hàng hóa trong nhóm được đánh giá là "không đạt yêu cầu kỹ thuật".

Những người soạn thảo ký:

- Phó khoa CDHA - XN-NS: Signed by: Vũ Ngọc Quỳnh
Date: 24/09/2025 06:08:59
Certified by: Vietsovpetro CA
- CN. Xét nghiệm: Signed by: Đỗ Ngọc Lan
Date: 24/09/2025 07:41:31
Certified by: Vietsovpetro CA
- Trưởng BP VTTB: Signed by: Vũ Đức Hải
Date: 23/09/2025 23:20:17
Certified by: Vietsovpetro CA

- NV. Vật Tư:

Signed by: Trần Tiến Hùng
Date: 24/09/2025 07:14:39
Certified by: Vietsovetro CA

